

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 118/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2014

NGHỊ ĐỊNH

VỀ SẮP XẾP, ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

Chính phủ ban hành Nghị định về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc sắp xếp, đổi mới tổ chức, cơ chế quản lý và chính sách đối với các công ty nông, lâm nghiệp.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi chung là công ty nông, lâm nghiệp) đã được chuyển đổi theo Nghị định số 170/2004/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển nông trường quốc doanh; Nghị định số 200/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh; Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khoán đất là việc công ty nông, lâm nghiệp giao khoán đất cho hộ gia đình, cá nhân nhưng không có đầu tư, không thực hiện đúng quy định của hợp đồng giao khoán đã ký kết theo quy định của pháp luật về giao khoán đất và người nhận giao khoán đất tự đầu tư, tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và phải nộp sản phẩm hoặc tiền cho công ty.

2. Quản lý rừng bền vững là quá trình quản lý rừng ổn định để đạt được những mục tiêu quản lý đề ra; đảm bảo sản xuất được liên tục mà không làm suy giảm các giá trị và năng suất trong tương lai của rừng; không gây ra những hậu quả xấu đối với môi trường và xã hội.

3. Chứng chỉ rừng quốc tế là sự xác nhận bằng giấy chứng nhận rằng công ty quản lý rừng đã đạt những tiêu chuẩn về quản lý rừng bền vững do tổ chức chứng chỉ rừng quốc tế hoặc tổ chức được ủy quyền chứng nhận quy định.

Điều 3. Nguyên tắc sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp

1. Sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp phải phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và nền kinh tế, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp nhằm xác định cụ thể người sử dụng đất, chủ rừng, quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, bảo vệ và phát triển rừng, tài nguyên rừng.

3. Các công ty nông, lâm nghiệp làm nhiệm vụ sản xuất kinh doanh là chính thì chuyển hẳn sang hạch toán kinh doanh theo cơ chế thị trường và thực hiện cổ phần hóa; các công ty nông, lâm nghiệp làm nhiệm vụ công ích là chính thì thực hiện theo phương thức Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch.

4. Tạo sự chuyển biến căn bản về phương thức tổ chức quản lý và quản trị doanh nghiệp; gắn với công nghiệp chế biến và thị trường theo chuỗi giá trị hàng hóa.

5. Tạo thêm việc làm và thu nhập cho người dân trên địa bàn; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, công ty và người lao động.

Chương II

SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG NGHIỆP

Điều 4. Duy trì, củng cố và phát triển công ty nông nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Duy trì, củng cố, phát triển và tái cơ cấu công ty nông nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ gồm các công ty nông nghiệp tại các địa bàn chiến lược, vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa gắn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 5. Chuyển công ty nông nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần

1. Chuyển công ty nông nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối đối với công ty nông nghiệp có ngành nghề kinh doanh chính là trồng, chế biến cao su tại các địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa gắn với quốc phòng, an ninh. Thủ tướng Chính phủ quyết định cụ thể tỷ lệ nắm giữ vốn nhà nước ở từng công ty khi phê duyệt phương án sắp xếp của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh và tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

2. Chuyển công ty nông nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, Nhà nước không giữ cổ phần chi phối hoặc không nắm giữ cổ phần đối với các công ty nông nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 6. Thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trên cơ sở sắp xếp, đổi mới công ty nông nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ nhằm thực hiện gắn kết phát triển vùng nguyên liệu và người dân trong vùng với phát triển công nghiệp chế biến và thị trường; phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền lợi của người lao động.

Điều 7. Giải thể công ty nông nghiệp

Giải thể công ty nông nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Kinh doanh thua lỗ ba năm liên tiếp vì lý do chủ quan của công ty và có số lỗ lũy kế bằng 3/4 vốn nhà nước tại công ty trở lên.

2. Khoán trắng, giao khoán đất nhưng không quản lý được đất đai và sản phẩm trên diện tích chiếm từ 3/4 tổng diện tích đất công ty được giao, thuê.

3. Quy mô diện tích dưới 500 ha, phân tán, sản xuất kinh doanh kém hiệu quả. Trường hợp quy mô diện tích dưới 500 ha, liên vùng, tập trung và sản xuất kinh doanh hiệu quả cần giữ lại thì cơ quan chủ sở hữu xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Chương III

SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY LÂM NGHIỆP

Điều 8. Duy trì, củng cố và phát triển công ty lâm nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Duy trì, củng cố, phát triển và tái cơ cấu công ty lâm nghiệp có diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên giàu và trung bình từ 70% diện tích đất được giao, thuê trở lên và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, được cấp chứng chỉ rừng quốc tế về quản lý rừng bền vững thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

2. Duy trì, củng cố, phát triển và tái cơ cấu công ty lâm nghiệp có diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và chưa được cấp chứng chỉ rừng quốc tế về quản lý rừng bền vững, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng từ 70% diện tích đất được giao, thuê trở lên thực hiện nhiệm vụ sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

3. Chuyển thành ban quản lý rừng phòng hộ hoạt động theo cơ chế đơn vị sự nghiệp công lập có thu đối với công ty lâm nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có diện tích rừng phòng hộ tập trung từ 70% diện tích đất được giao, thuê trở lên. Việc tổ chức quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ thực hiện theo Quy chế quản lý rừng phòng hộ.

Điều 9. Chuyển công ty lâm nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần

1. Chuyển công ty lâm nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối đối với công ty lâm nghiệp có diện tích rừng sản xuất là rừng trồng và đất quy hoạch trồng rừng sản xuất từ 70% diện tích đất được giao, thuê trở lên tại các địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa gần với quốc phòng, an ninh. Thủ tướng Chính phủ quyết định cụ thể tỷ lệ nắm giữ vốn nhà nước ở từng công ty khi phê duyệt phương án sắp xếp của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh và tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

2. Chuyển công ty lâm nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, Nhà nước không giữ cổ phần chi phối hoặc không nắm giữ cổ phần đối với các công ty lâm nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 10. Thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trên cơ sở sắp xếp, đổi mới công ty lâm nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ nhằm thực hiện gắn kết phát triển vùng nguyên liệu và người dân trong vùng với phát triển công nghiệp chế biến và thị trường; phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất của địa phương và bảo đảm quyền lợi của người lao động.

Điều 11. Giải thể công ty lâm nghiệp

Giải thể công ty lâm nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Kinh doanh thua lỗ ba năm liên tiếp vì lý do chủ quan của công ty và có số lỗ lũy kế bằng 3/4 vốn nhà nước tại công ty trở lên.
2. Khoán trắng, giao khoán đất nhưng không quản lý được đất đai và sản phẩm trên diện tích chiếm từ 3/4 tổng diện tích đất công ty được giao, thuê.
3. Quy mô diện tích dưới 1.000 ha, phân tán, sản xuất kinh doanh kém hiệu quả. Trường hợp quy mô diện tích dưới 1.000 ha, liền vùng, tập trung và sản xuất kinh doanh hiệu quả cần giữ lại thì cơ quan chủ sở hữu xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Chương IV

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH SẮP XẾP, ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

Điều 12. Rà soát chức năng, nhiệm vụ công ty nông, lâm nghiệp

1. Tiếp tục rà soát, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các công ty nông, lâm nghiệp, xác định rõ ngành nghề sản xuất kinh doanh chính, ngành nghề sản xuất kinh doanh bổ sung, ngành nghề kinh doanh phục vụ sản xuất kinh doanh chính. Xây dựng phương án sắp xếp lại các công ty theo hướng tập trung vào ngành nghề sản xuất kinh doanh chính gắn kết giữa phát triển vùng nguyên liệu với sản xuất, chế biến và thị trường tiêu thụ, hình thành mô hình sản xuất kinh doanh tổng hợp nông, lâm, công nghiệp, nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa trên đơn vị diện tích sản xuất, nâng cao đời sống của người dân.
2. Đối với công ty lâm nghiệp vừa có rừng sản xuất là rừng tự nhiên, rừng sản xuất là rừng trồng, rừng phòng hộ và đặc dụng diện tích mỗi loại dưới 70% diện tích đất được giao, thuê thì việc xác định ngành nghề sản xuất kinh doanh chính hoặc sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do cơ quan chủ sở hữu xem xét, lựa chọn trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Điều 13. Rà soát, đo đạc, lập bản đồ; lập, điều chỉnh, phê duyệt phương án sử dụng đất

1. Các công ty nông, lâm nghiệp thực hiện việc rà soát hiện trạng sử dụng đất về vị trí, ranh giới quản lý, sử dụng đất; diện tích đất đang sử dụng đúng mục đích; diện tích đất sử dụng không đúng mục đích; diện tích đất không sử dụng; diện tích đất đang giao khoán, cho thuê, cho mượn, bị lấn, bị chiếm, liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư và đang có tranh chấp.
2. Căn cứ đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển công ty nông, lâm nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch sử dụng đất của địa phương và hiện trạng sử dụng đất, công ty đề xuất phương án sử dụng đất. Nội dung phương án sử dụng đất phải thể hiện vị trí, ranh giới sử dụng đất; diện tích đất đề nghị giữ lại sử dụng theo từng loại đất, hình thức sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất, diện tích đất bàn giao cho địa phương.

Đối với công ty nông nghiệp trồng cây công nghiệp ngắn ngày, cây hằng năm, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản, công ty giống cây nông nghiệp, giống chăn nuôi, giống thủy sản giữ lại một phần đất hợp lý để sản xuất giống, xây dựng mô hình trình diễn, chuyển giao khoa học công nghệ, xây dựng cơ sở chế biến.

Đối với các công ty nông, lâm nghiệp đã thực hiện rà soát, đo đạc và thực hiện thuê đất, tiếp tục rà soát, điều chỉnh phương án sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương.

3. Công ty nông, lâm nghiệp báo cáo cơ quan Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án sử dụng đất trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp tại địa phương; chỉ đạo thực hiện việc xác định cụ thể ranh giới, cắm mốc giới sử dụng đất theo phương án được duyệt.

Điều 14. Giao đất, cho thuê đất

1. Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các công ty nông, lâm nghiệp đối với đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

2. Nhà nước cho các công ty nông, lâm nghiệp thuê đất đối với đất sản xuất nông, lâm nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Thực hiện miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về đầu tư.

Điều 15. Thu hồi và bàn giao đất về địa phương

1. Đất phải thu hồi của các công ty nông, lâm nghiệp bàn giao về địa phương bao gồm: Đất của các công ty giải thể; đất do thu hẹp nhiệm vụ không còn nhu cầu sử dụng; đất không sử dụng, đất công ty đang khoán trắng, sử dụng không đúng mục đích; diện tích đất đã chuyển nhượng; diện tích đất đã bán vườn cây; đất kết cấu hạ tầng không phục vụ sản xuất; đất ở theo quy hoạch của địa phương đã được phê duyệt và các loại đất khác phải thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai. Các công ty nông, lâm nghiệp có diện tích đất bị thu hồi phải bàn giao toàn bộ hồ sơ về quỹ đất bị thu hồi cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất.

2. Đất thu hồi quy định tại Khoản 1 Điều này được ưu tiên giải quyết và xử lý như sau:

a) Đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương không có đất hoặc thiếu đất sản xuất, người đang nhận giao khoán trực tiếp sản xuất được giao đất hoặc thuê đất.

b) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất được tiếp tục sử dụng theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất.

c) Diện tích đất giao không thu tiền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều này không được cao hơn mức bình quân của các hộ dân sử dụng đất tại địa phương. Diện tích trên mức bình quân phải chuyển sang thuê đất.

d) Xác định tài sản trên đất theo giá thị trường và quy định của pháp luật về thẩm định giá tại thời điểm nhận giao, thuê để thu hồi phần vốn của nhà nước hoặc người đã đầu tư. Người nhận chuyển nhượng (tổ chức, hộ gia đình, cá nhân) phải trả tiền trong thời gian 01 (một) năm kể từ thời điểm nhận chuyển nhượng, đối với các đối tượng là hộ nghèo theo quy định của pháp luật được xem xét miễn, giảm theo phần vốn của Nhà nước còn lại.

Điều 16. Đất công ty đang cho thuê, cho mượn; đang bị lấn, chiếm, tranh chấp; đất liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư

1. Đối với đất công ty đang cho tổ chức, cá nhân thuê, mượn phải chấm dứt cho thuê, cho mượn và giải quyết như sau:

a) Đối với đất cho tổ chức thuê, mượn nằm trong phương án sử dụng đất của công ty thì thu hồi, công ty thanh toán giá trị vườn cây, rừng trồng, tài sản trên đất (nếu có) cho tổ chức đã đầu tư.

b) Đối với đất hộ gia đình, cá nhân thuê, mượn đang sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng theo phương án sử dụng đất của công ty thì chuyển sang hình thức giao khoán đất với công ty. Nếu không chuyển sang giao khoán được thì thu hồi và thanh toán tài sản trên đất cho hộ gia đình, cá nhân.

c) Đối với đất tổ chức, cá nhân thuê, mượn của công ty nhưng không đúng phương án sử dụng đất của công ty thì chuyển giao về địa phương để xem xét, giải quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định này.

2. Đối với đất của công ty đang bị hộ gia đình, cá nhân lấn, chiếm:

a) Diện tích đất hộ gia đình, cá nhân đang canh tác và nằm trong phương án sử dụng đất của công ty thì xem xét, tiếp nhận và thực hiện giao khoán đất. Trường hợp không nhận giao khoán đất với công ty thì thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Diện tích đất các hộ gia đình, cá nhân đang canh tác, nếu công ty không còn nhu cầu sử dụng và không ảnh hưởng đến phương án sử dụng đất của công ty thì chuyển giao địa phương để xem xét, giải quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định này.

c) Diện tích đất lấn, chiếm mà chuyển nhượng trái phép thì thu hồi, chuyển giao địa phương để xem xét, giải quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định này.

3. Đối với đất của công ty đang bị tranh chấp:

a) Diện tích đất tranh chấp giữa công ty và các hộ gia đình, cá nhân sống bằng nghề nông đã sản xuất ổn định, không ảnh hưởng đến phương án sử dụng đất của công ty thì giao lại địa phương để xem xét, giải quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định này.

b) Diện tích đất tranh chấp giữa công ty và các hộ gia đình, cá nhân đang sản xuất ổn định, nhưng nằm trong phương án sử dụng đất của công ty, thì công ty xem xét ký hợp đồng giao khoán đất với hộ gia đình, cá nhân. Nếu không thực hiện giao khoán thì thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai.

c) Diện tích đất tranh chấp giữa công ty với tổ chức khác thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giải quyết tranh chấp; căn cứ theo phương án sử dụng đất của công ty và chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức, công ty thu hồi để sản xuất kinh doanh hoặc giao lại cho địa phương để giải quyết cho tổ chức đó được giao hoặc cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Trường hợp công ty đã góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất để liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư mà hình thành doanh nghiệp mới sử dụng đất đúng mục đích, có hiệu quả thì tách diện tích đã góp ra khỏi diện tích đất của công ty và chuyển sang thuê đất. Nếu sử dụng không đúng mục đích thì thu hồi và giao lại địa phương để quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 17. Đất ở, đất kinh tế hộ gia đình

1. Trường hợp diện tích đất mà công ty nông, lâm nghiệp đã bố trí cho hộ gia đình, cá nhân là cán bộ công nhân viên của công ty đang làm việc, đã nghỉ hưu, nghỉ việc theo chế độ để làm nhà ở, làm vườn, ao gần liền với nhà ở trong khu dân cư trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất xác nhận là đang sử dụng ổn định, không có tranh chấp đất đai và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Khoản 5, Khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai.

2. Trường hợp công ty nông, lâm nghiệp giải thể thì Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh lập phương án bố trí lại diện tích đất ở thành khu dân cư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Điều 18. Cơ chế quản lý, sử dụng rừng

1. Đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên trữ lượng giàu và trung bình: Thực hiện quản lý và sản xuất kinh doanh theo phương án quản lý rừng bền vững đã được cấp chứng chỉ rừng quốc tế về quản lý rừng bền vững sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

2. Đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên nhưng chưa được phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và chưa được cấp chứng chỉ rừng quốc tế về quản lý rừng bền vững, rừng sản xuất là rừng tự nhiên nghèo có khả năng phục hồi trong thời gian chưa được khai thác: Thực hiện nhiệm vụ công ích theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch hàng năm hoặc được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên nghèo kiệt không có khả năng phục hồi: Lập dự án cải tạo để trồng rừng hoặc trồng cây công nghiệp hiệu quả hơn. Dự án cải tạo rừng phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở tiêu chí phân loại rừng tự nhiên nghèo kiệt được chuyển đổi sát với thực tế.

4. Đối với diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng trong địa giới công ty: Được Nhà nước bảo đảm kinh phí để bảo vệ và phát triển rừng theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch hoặc được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của công ty.

5. Đối với diện tích rừng sản xuất là rừng trồng trong địa giới của công ty: Thực hiện bảo vệ và phát triển rừng theo quy chế quản lý rừng sản xuất, các hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện theo cơ chế thị trường.

6. Nhà nước đầu tư phát triển rừng trồng trên diện tích đất được quy hoạch là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Thực hiện định giá rừng sản xuất là rừng trồng làm cơ sở giao vốn, thực hiện cổ phần hóa, liên doanh, liên kết, thế chấp vay vốn.

Điều 19. Tài chính

1. Nhà nước đảm bảo đủ vốn điều lệ đối với công ty nông, lâm nghiệp được tiếp tục duy trì, củng cố và phát triển do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Mức vốn điều lệ điều chỉnh lại được xác định bằng vốn điều lệ đã được duyệt cộng với tối đa là 50% tổng nhu cầu vốn đầu tư, vốn luân chuyển cho hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch đầu tư phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm hoặc trong quy hoạch phát triển ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được xác định tối thiểu cho 3 năm kể từ năm quyết định điều chỉnh vốn điều lệ.

Việc bổ sung phần vốn điều lệ còn thiếu sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt mức vốn điều lệ được thực hiện theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Nhà nước đảm bảo đủ vốn góp trong các công ty cổ phần mà nhà nước giữ cổ phần chi phối theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc đầu tư tăng phần vốn nhà nước được thực hiện theo quy định của Chính phủ về việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Việc chuyển công ty nông, lâm nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thực hiện theo quy định của Chính phủ về chuyển nhượng vốn nhà nước.

3. Kinh phí rà soát, đo đạc, cắm mốc, lập bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty nông, lâm nghiệp do ngân sách địa phương đảm bảo; ngân sách trung ương hỗ trợ một phần cho các địa phương có khó khăn về ngân sách.

Trường hợp công ty nông, lâm nghiệp ứng trước tiền để thực hiện rà soát, đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì ngân sách nhà nước sẽ hoàn lại; trường hợp công ty nông, lâm nghiệp chuyển sang công ty cổ phần thì được trừ vào tiền thu từ cổ phần hóa.

4. Tiếp tục bàn giao kết cấu hạ tầng (đường giao thông, hệ thống điện, công trình thủy lợi và công trình phúc lợi khác) của các công ty nông, lâm nghiệp về địa phương quản lý. Đối với trường hợp đặc biệt (nhà trẻ, mẫu giáo, trung tâm y tế) cần thiết phải giữ lại để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thì chênh lệch giữa khoản thu mà các cơ sở này thu được

với khoản chi cho hoạt động của cơ sở (gồm cả chi phí khấu hao tài sản cố định) được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của công ty và được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

5. Thực hiện rà soát, thống kê lại vốn và tài sản, các khoản nợ đọng của từng đơn vị; xử lý dứt điểm các khoản công nợ, nợ khó đòi, các khoản phải trả do khách quan, trong đó có các khoản nợ không có khả năng thanh toán khi thực hiện không hiệu quả các chương trình, dự án của Chính phủ thông qua nông, lâm trường trước đây nhưng hiện nay các công ty nông, lâm nghiệp đang kế thừa trách nhiệm; tài sản còn vốn nhà nước trên đất khi chuyển giao đất về địa phương. Đối với tài sản thiếu, công nợ khó đòi vì lý do khách quan sau khi đã được xử lý bằng khoản bồi thường của bảo hiểm (nếu có), bằng nguồn trích lập dự phòng của công ty, nếu thiếu được giảm vốn nhà nước.

6. Doanh thu từ bán gỗ khai thác rừng tự nhiên, rừng trồng, nguồn thu từ chi trả dịch vụ môi trường rừng và các nguồn thu từ sản xuất kinh doanh khác được sử dụng để thanh toán các chi phí hợp lý, đầu tư phát triển rừng, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và trích lập các quỹ của công ty theo quy định của pháp luật.

7. Trích lập khoản dự phòng rủi ro đối với rừng sản xuất là rừng trồng trong các trường hợp bị thiệt hại do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh. Khoản dự phòng rủi ro này được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh năm báo cáo tại thời điểm lập báo cáo tài chính của công ty nông, lâm nghiệp, đảm bảo cho công ty có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất có thể xảy ra.

Điều 20. Đầu tư

1. Ngân sách nhà nước đầu tư cho quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; rừng sản xuất là rừng tự nhiên chưa được phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và chưa được cấp chứng chỉ rừng quốc tế theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch.

2. Ngân sách nhà nước đầu tư cho trồng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí theo chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư mua sắm các trang thiết bị chuyên dụng phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; xây dựng hệ thống đường lâm nghiệp trong các vùng nguyên liệu tập trung theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 21. Lao động

1. Các công ty nông, lâm nghiệp lập phương án sử dụng lao động phù hợp với phương án sản xuất kinh doanh sau sắp xếp, chuyển đổi.

2. Giải quyết chế độ lao động dôi dư

a) Đối với cán bộ, công nhân viên công ty nông, lâm nghiệp trong quá trình sắp xếp, chuyển đổi theo Nghị định này không bố trí được việc làm và không có điều kiện đào tạo lại để chuyển đổi ngành nghề thì được tiếp tục giải quyết theo chế độ lao động dôi dư.

b) Nguồn kinh phí giải quyết chế độ lao động dôi dư

Đối với công ty nông, lâm nghiệp thực hiện cổ phần hóa, nguồn kinh phí lấy từ tiền bán cổ phần lần đầu, trường hợp không đủ được bổ sung từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp,

Đối với công ty nông, lâm nghiệp phải giải thể, nguồn kinh phí lấy từ tiền thu bán tài sản của công ty giải thể, trường hợp không đủ được bổ sung từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

Đối với các loại hình công ty nông, lâm nghiệp khác, nguồn kinh phí lấy từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

3. Công ty nông, lâm nghiệp có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các chính sách, chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với cán bộ, công nhân và người lao động.

4. Ngân sách nhà nước hỗ trợ một lần kinh phí đào tạo nghề đối với người lao động đang làm việc tại các công ty nông, lâm nghiệp ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ít người có cam kết tiếp tục làm việc lâu dài cho công ty sau khi sắp xếp, đổi mới mà phải chuyển đổi ngành nghề.

5. Lao động có hợp đồng nhận khoán ổn định lâu dài với công ty khi chuyển sang công ty cổ phần được mua cổ phần ưu đãi như người lao động thường xuyên trong công ty.

Điều 22. Khoa học và công nghệ

1. Nhà nước hỗ trợ 30% tổng kinh phí đầu tư mới để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm; hỗ trợ 30% đầu tư cho dự án của công ty nông, lâm nghiệp ứng dụng công nghệ mới vào trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng cung cấp gỗ nguyên liệu công nghiệp, gỗ lớn, chế biến nông, lâm sản; xây dựng vườn giống, rừng giống, chuyển giao các loại giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao để đưa vào sản xuất kinh doanh. Nguồn kinh phí hỗ trợ được lấy từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và từ nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ.

2. Được tham gia các chương trình chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi; chuyển giao kỹ thuật ở vùng miền núi; các chương trình khuyến nông, khuyến lâm của Nhà nước. Thực hiện vai trò nòng cốt trong việc hình thành và thực hiện mô hình liên kết sản xuất giữa hộ nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng và cơ sở khoa học, công nghệ.

3. Công ty nông, lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông, lâm nghiệp, chế biến nông, lâm, thủy sản, sản xuất giống được hưởng các ưu đãi theo quy định của Luật công nghệ cao năm 2008.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm của các Bộ, ngành Trung ương

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan thường trực giúp Chính phủ kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị định này; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện với Chính phủ hàng năm.

b) Hướng dẫn các công ty nông, lâm nghiệp xây dựng đề án sắp xếp, đổi mới; các địa phương, Bộ, ngành xây dựng phương án tổng thể về sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp. Chủ trì việc thẩm định các phương án tổng thể của Bộ, ngành và địa phương.

c) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các quy định, hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; tiêu chí cải tạo rừng nghèo kiệt; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách giao khoán rừng và đất lâm nghiệp, chính sách hưởng lợi từ rừng.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp xác định giá trị vườn cây, rừng trồng, đàn gia súc của công ty nông, lâm nghiệp; đơn giá sản xuất và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích làm căn cứ đặt hàng, giao kế hoạch.

đ) Tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ tổ chức sản xuất, kiến thức khoa học kỹ thuật, quản trị kinh doanh, tiếp cận thị trường cho cán bộ, công nhân viên công ty nông, lâm nghiệp.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì hướng dẫn việc quản lý, sử dụng đất đai khi sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông lâm nghiệp:

a) Hướng dẫn việc đo đạc, lập bản đồ địa chính, giao, cho thuê và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các công ty nông, lâm nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Hướng dẫn xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý sử dụng đất.

c) Điều chỉnh, bổ sung phương pháp xác định giá thuê đất đối với đất sản xuất nông, lâm nghiệp.

3. Bộ Tài chính

Xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành:

a) Cơ chế, chính sách tài chính đặc thù về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp quy định tại Điều 19 Nghị định này.

b) Bố trí từ ngân sách trung ương kinh phí để thực hiện bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng được Nhà nước giao cho các công ty quản lý, rừng tự nhiên chưa có phương án quản lý rừng bền vững và chưa được cấp chứng chỉ rừng quốc tế về quản lý rừng bền vững; kinh phí hỗ trợ cho việc rà soát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty nông, lâm nghiệp.

c) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý về các khoản vay nợ cũ của các công ty nông, lâm nghiệp; đề xuất bổ sung, sửa đổi cơ chế xử lý các khoản nợ cũ kể cả nợ gốc, nợ lãi đối với các công ty nông, lâm nghiệp khi thực hiện sắp xếp.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Hướng dẫn chính sách về đầu tư, hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng; thu hút và khuyến khích đầu tư; đặt hàng, giao kế hoạch nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp.

b) Phối hợp với Bộ Tài chính bố trí ngân sách để thực hiện bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng được Nhà nước giao cho công ty quản lý, rừng sản xuất là rừng tự nhiên chưa có phương án quản lý rừng bền vững và chưa được cấp chứng chỉ rừng quốc tế về quản lý rừng bền vững; ngân sách hỗ trợ cho việc rà soát, đo đạc, cắm mốc, lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty nông, lâm nghiệp.

5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Hướng dẫn thực hiện chế độ lao động dôi dư khi sắp xếp, chuyển đổi công ty nông, lâm nghiệp; chính sách, chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động không hưởng lương từ công ty do hợp đồng nhận khoán.

6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý về các khoản vay nợ cũ của các công ty nông, lâm nghiệp; đề xuất bổ sung, sửa đổi cơ chế xử lý các khoản nợ cũ kể cả nợ gốc, nợ lãi đối với các công ty nông, lâm nghiệp khi thực hiện sắp xếp.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Chỉ đạo các công ty nông, lâm nghiệp trực thuộc xây dựng đề án về sắp xếp, đổi mới và xây dựng phương án tổng thể về sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp trực thuộc, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức chỉ đạo thực hiện.

2. Chỉ đạo xử lý các diện tích đất đang cho thuê, cho mượn; bị lấn, chiếm; tranh chấp, chuyển nhượng trái phép; quyết định việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn theo phương án sử dụng đất được phê duyệt.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng và phê duyệt theo thẩm quyền phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp và chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện.

Điều 25. Trách nhiệm của các tập đoàn, tổng công ty, công ty nông, lâm nghiệp

1. Tập đoàn, tổng công ty

a) Chỉ đạo các công ty nông, lâm nghiệp trực thuộc xây dựng đề án về sắp xếp, đổi mới và xây dựng phương án tổng thể về sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp trực thuộc trình Bộ chủ quản và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức chỉ đạo thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương chỉ đạo các công ty nông, lâm nghiệp trực thuộc rà soát đất đai và làm thủ tục trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, cho thuê và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đơn vị trực thuộc.

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền ở địa phương có công ty nông, lâm nghiệp hướng dẫn các công ty xây dựng phương án sử dụng đất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

2. Các công ty nông, lâm nghiệp

a) Xây dựng đề án sắp xếp, đổi mới của công ty trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với các công ty thuộc tỉnh); tập đoàn, tổng công ty (đối với công ty trực thuộc tập đoàn, tổng công ty) phê duyệt.

b) Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương rà soát đất đai và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, cho thuê và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

c) Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của địa phương xây dựng phương án sử dụng đất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Điều 26. Xử lý một số vấn đề phát sinh khi ban hành Nghị định

1. Nông, lâm trường quốc doanh chưa thực hiện chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp thuộc sở hữu nhà nước thì được thực hiện sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động theo quy định tại Nghị định này.

2. Công ty nông, lâm nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án sắp xếp, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, phù hợp với một trong các hình thức sắp xếp quy định tại Nghị định này, thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 170/2004/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển nông trường quốc doanh; Nghị định số 200/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh.

Điều 28. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, ĐMDN (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng